

Số: 317/TM-BV

Hung Yên, ngày 08 tháng 8 năm 2024

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các đơn vị sản xuất, kinh doanh thiết bị y tế

Bệnh viện đa khoa Phố Nổi đang xây dựng kế hoạch mua sắm một số hóa chất xét nghiệm của bệnh viện. Để có căn cứ xây dựng kế hoạch mua sắm nêu trên, Bệnh viện đề nghị các đơn vị báo giá với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị mời báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện đa khoa Phố Nổi
 - Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Đỗ Minh Đức – Khoa Dược, SĐT: 0919.192.938
 - Cách thức tiếp nhận báo giá: Nhận trực tiếp tại Khoa Dược, Bệnh viện Đa khoa Phố Nổi, Địa chỉ: phường Bần Yên Nhân; Thị Xã Mỹ Hào; Tỉnh Hưng Yên.
 - Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 08 tháng 8 năm 2024 đến hết ngày 17 tháng 8 năm 2024 (10 ngày)
- Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày báo giá

II. Nội dung mời báo giá

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
1	Samplecup 0.5ml	Thành phần: Polystyrene	2	Túi
2	Access Free T3	- Phạm vi phân tích: 0,88–30 pg/mL [1,4–46 pmol/L] - Phương pháp xét nghiệm: miễn dịch enzym liên kết cạnh tranh - Thành phần: R1a: Các hạt thuận từ Dynabeads phủ streptavidin trong dung dịch đệm TRIS có protein (chim), chất hoạt tính bề mặt, < 0,1% Na ₃ N và 0,1% ProClin 300. R1b: Dung dịch đệm MES và 0,1% ProClin 300. R1c: Analog T3 gắn biotin trong dung dịch đệm TRIS có protein (chim), chất hoạt tính bề mặt, < 0,1% Na ₃ N và 0,1% ProClin 300. R1d: Dung dịch đệm TRIS chứa protein động vật (dê, bò, chim), chất hoạt tính bề mặt, < 0,1% Na ₃ N và 0,5% ProClin 300. R1e: Chất cộng hợp kháng thể đơn dòng-phosphatasa kiềm trong dung dịch đệm ACES có protein (chim), chất hoạt tính bề mặt, < 0,1% Na ₃ N và 0,1% ProClin 300.	15	Hộp



STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
3	URINARY/CSF PROTEIN	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng protein toàn phần trong nước tiểu và CSF; Thành phần: RI: Pyrogallol đỏ 47 $\mu\text{mol/L}$; Natri Molybdate 320 $\mu\text{mol/L}$; Axit succinic 50 mmol/L ; Natri Benzoat 3,5 mmol/L ; Natri Oxalate 1 mmol/L ; Methanol 0,8% w/v; Chất hiệu chuẩn: Albumin huyết thanh người 0,5 g/L ; Phương pháp: Pyrogallol Red Molybdate; Dải tuyến tính: 0,01–2 g/L ; Bước sóng: 600nm; Loại mẫu: Nước tiểu, dịch não tủy; Độ lặp lại: $\text{CV} \leq 1,7\%$; Độ chụm toàn phần: $\text{CV} \leq 4,8\%$; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 5 test	2	Hộp
4	TOTAL PROTEIN	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng protein toàn phần; Thành phần: Sodium hydroxide 200 mmol/L ; Potassium sodium tartrate 32 mmol/L ; Copper sulphate 18.8 mmol/L ; Potassium iodide 30 mmol/L ; Phương pháp: Photometric; Dải tuyến tính: 30–120 g/L (3–12 g/dL); Bước sóng: 540nm; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương; Độ lặp lại: $\text{CV} \leq 0,50\%$; Độ chụm toàn phần: $\text{CV} \leq 0,84\%$; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 10 test	4	Hộp
5	MAS UrichemTrak	Chất kiểm chứng dạng lỏng được sản xuất từ vật liệu có nguồn gốc từ con người dùng cho các xét nghiệm nước tiểu. Sản xuất từ chất nền là nước tiểu người có thêm amylase nước bọt của người, hCG có nguồn gốc từ nước tiểu người, albumin của người và bò, chất bảo quản và chất ổn định	2	Hộp

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT- TBYT, Tổ tư vấn MS

GIÁM ĐỐC



Phạm Đăng Quế

